

# TÓM TẮT BÀI GIẢNG MÔN THUẾ

## CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ THUẾ

### I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

#### 1. Khái niệm về thuế :

Thuế là khoản đóng góp bắt buộc theo pháp luật của mỗi người dân đối với Nhà nước, không hoàn trả trực tiếp ngang giá, nhưng được dùng để trang trải các chi phí vì lợi ích chung của toàn dân như : giao thông, bệnh viện, trường học,...

#### 2. Các đặc trưng cơ bản của thuế :

2.1 Tính chất bắt buộc :

2.2 Thuế không hoàn trả một cách trực tiếp

2.3 Thuế dùng vào chi tiêu công cộng :

### II. PHÂN LOẠI THUẾ

#### 1. Phân loại theo tính chất chuyển dịch thuế :

❖ Thuế gián thu

Là loại thuế mà người trực tiếp nộp thuế không phải là người chịu thuế. Như thuế GTGT, Thuế TTDB, thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu, ...

❖ Thuế trực thu : Là loại thuế mà người trực tiếp nộp thuế đồng thời là người chịu thuế : thuế TNDN, thuế TNCN đối với người có thu nhập cao, ...

#### 2. Phân loại thuế theo đối tượng chịu thuế

### III. VAI TRÒ CỦA THUẾ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước.

2. Thuế góp phần điều chỉnh nền kinh tế :

3. Thuế góp phần đảm bảo bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và công bằng xã hội:

#### **IV. CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN TẠO THÀNH SẮC THUẾ**

1. Tên gọi

2- Đối tượng nộp thuế

3- Đối tượng chịu thuế

4- Thuế suất, mức thuế, biểu thuế

5- Chế độ miễn, giảm thuế :

### **CHƯƠNG II : THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU**

#### **I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

##### **1. Khái niệm**

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là một loại gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam kể cả thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước và ngược lại

##### **2. Tác dụng**

- Là nguồn thu cho Ngân sách nhà nước
- Thuế góp phần bảo vệ và phát triển sản xuất trong nước

Thuế xuất nhập khẩu là hàng rào thuế quan nhằm bảo hộ hàng trong nước,

- Thuế góp phần hướng dẫn tiêu dùng trong nước

- Thuế góp phần thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước : thể hiện chính sách ưu đãi về thuế theo khu vực.

## **II. PHẠM VI ÁP DỤNG**

### **1. Đối tượng nộp thuế**

Tất cả các tổ chức, cá nhân được phép kinh doanh xuất nhập khẩu có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế. Nếu xuất nhập khẩu uỷ thác thì tổ chức nhận uỷ thác là đối tượng nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

### **2. Đối tượng chịu thuế :**

Tất cả các hàng hoá được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt nam gồm :

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu qua đường bộ, đường sông, cảng biển, cảng hàng không, đường sắt liên vận quốc tế, bưu điện quốc tế và địa điểm làm thủ tục hải quan khác được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hàng hóa được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước

- Hàng hóa mua bán, trao đổi khác được coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

### **3. Những đối tượng không thuộc diện nộp thuế xuất, nhập khẩu**

- Hàng vận chuyển quá cảnh

- Hàng hoá từ nước ngoài nhập khẩu vào khu chế xuất và ngược lại

- Hàng viện trợ nhân đạo,....

### III. CĂN CỨ TÍNH THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

Căn cứ tính thuế xuất, nhập khẩu là :

- Số lượng từng mặt hàng xuất, nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân có hàng hóa thực tế xuất, nhập khẩu.

- Giá tính thuế.

- Thuế suất.

Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu phải nộp = S. lượng từng mặt hàng xuất hay nhập khẩu  $\times$  Giá tính thuế của hàng hóa  $\times$  Thuế suất qui định

**1. Số lượng từng mặt hàng xuất, nhập khẩu :** Ghi trên tờ khai hải quan có kiểm hóa của cơ quan hải quan.

**2. Giá tính thuế :**

+ Đối với hàng hóa xuất khẩu : là giá bán cho khách hàng tại cửa khẩu xuất không bao gồm chi phí vận chuyển ( F) và phí bảo hiểm ( I) từ cửa khẩu đi. Giá tính thuế là giá FOB ( Free On Broad).

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu : là giá mua thực tế của khách hàng tại cửa khẩu nhập theo hợp đồng, bao gồm cả chi phí vận chuyển ( F) và phí bảo hiểm ( I) từ cửa khẩu đi tới cửa khẩu đến. Giá tính thuế là giá CIF ( Cost Insurance and Freight).

**3. Thuế suất :**

**Ví dụ :** Tại một Cty trong tháng 3 có tài liệu sau :

1. Xuất khẩu 3.000spA, giá xuất khẩu 2USD/sp
2. Nhập khẩu 4.000spB, giá nhập khẩu 5USD/sp
3. Xuất khẩu 3.000spA, giá CIF 6USD/sp
4. Nhập khẩu 4.000spB, giá FOB 4USD/sp
5. Nhập nhập khẩu ủy thác 10.000spC, giá CIF 3USD/Sp

Biết : Tỷ giá tính thuế 20.000VND/USD

Phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế đối với hàng nhập khẩu 10.000đ/sp, đối với hàng xuất khẩu 8.000đ/sp

**Yêu cầu : Tính thuế Xuất nhập khẩu mà Cty phải nộp**

**VD 2 :** Tại một Cty XNK Z, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau :

Nhập khẩu 3 lô hàng đều có xuất xứ từ nước H, cả 3 lô hàng đều mua theo điều kiện FOB, tổng chi phí chuyên chở cho cả 3 lô hàng từ cảng nước H đến cảng Việt Nam là 6.000USD

- Lô hàng A có tổng trị giá 15.000 USD, được mua bảo hiểm với 2% giá FOB
- Lô hàng B gồm 10.000 sản phẩm, đơn giá 4USD/sp, được mua bảo hiểm với giá 1,5% giá FOB
- Lô hàng C gồm 1.500 sản phẩm, đơn giá 90USD/sp, được mua bảo hiểm với giá 1% giá FOB

Tỷ giá tính thuế nhập khẩu là 16.500VND/USD, thuế suất thuế nhập khẩu A 10%. B 15%, C 20%.

**Yêu cầu : Tính thuế nhập khẩu mà DN phải nộp**

## **V. THỦ TỤC KÊ KHAI, NỘP THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

### **1. Kê khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu :**

Tổ chức cá nhân có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung theo qui định của pháp luật, nộp tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và xuất trình các hồ sơ liên quan cho cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

### **2. Thời hạn nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu :**

#### **2.1 Đối với hàng hóa xuất khẩu :**

Thời hạn nộp thuế phải là 30 ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế đăng ký Tờ khai hải quan

#### **2.2 Thời hạn nộp thuế nhập khẩu**

- Đối với hàng hóa nhập khẩu là hàng tiêu dùng trong Danh mục hàng hóa do Bộ thương mại công bố thì phải nộp xong thuế trước khi nhận hàng.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc diện nộp thuế theo các qui định trên thì thời hạn nộp thuế là 30 ngày

## **VI. CHẾ ĐỘ MIỄN, XÉT MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

### **1. Trường hợp được miễn thuế :**

- Hàng viện trợ không hoàn lại
- Đối với hàng tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập
- Hàng là tài sản di chuyển của các tổ chức cá nhân nước ngoài được phép vào cư trú, làm việc tại

Việt nam hoặc chuyển ra khỏi VN trong mức qui định.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh.

- Hàng xuất khẩu, nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ

- Hàng là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để gia công cho nước ngoài

## **2. Trường hợp được xét miễn thuế :**

- Hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng

- Hàng là quà biếu, quà tặng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài

- Hàng nhập khẩu để bán hàng miễn thuế

- Các đơn vị sản xuất, gia công trong nước

- Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào VN được bán tại các cửa hàng miễn thuế

## **3. Trường hợp được xét giảm thuế :**

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình vận chuyển, bốc xếp bị hư hỏng, mất mát có lý do chính đáng. Cơ quan Hải quan cấp tỉnh, thành phố căn cứ vào mức độ hư hỏng ra quyết định xử lý đã được giám định để giảm thuế xuất khẩu, nhập khẩu tương ứng với từng trường hợp cụ thể.

## **CHƯƠNG III : THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

### **I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG :**

#### **1. Khái niệm :**

Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế gián thu đánh vào một số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đặc biệt (là hàng hóa, dịch vụ không thiết yếu, thậm chí là xa xỉ đối với đại bộ phận dân cư hiện nay) theo danh mục do Nhà nước quy định.

#### **2. Tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt :**

- Hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng xã hội.
- Điều tiết thu nhập của người tiêu dùng cho ngân sách Nhà nước một cách hợp lý.
- Tăng cường quản lý sản xuất, kinh doanh đối với một số mặt hàng đặc biệt.

### **II. PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

#### **1. Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt :**

##### **a. Hàng hoá :**

##### **b. Dịch vụ :**

#### **2. Đối tượng nộp thuế**

Tổ chức cá nhân (gọi chung là cơ sở) sản xuất, nhập khẩu hàng hoá và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

#### **3. Đối tượng không nộp thuế tiêu thụ đặc biệt :**



### **3.1 Đối với hàng hóa xuất khẩu :**

- Hàng hoá do các cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài bao gồm cả hàng hóa bán, gia công cho doanh nghiệp chế xuất; trừ ô tô dưới 24 chỗ ngồi bán cho doanh nghiệp chế xuất.

- Hàng hóa do cơ sở sản xuất bán hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu theo hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với nước ngoài.

- Hàng hóa mang ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm ở nước

### **3.2 Đối với hàng hóa nhập khẩu :**

- Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho các cơ quan Nhà nước

- Hàng hoá chuyển khẩu, quá cảnh, mượn đường qua Việt nam;

- Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu

- Hàng nhập khẩu để bán miễn thuế theo chế độ qui định.

- Hàng hóa từ nước ngoài nhập vào khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, trừ ô tô dưới 24 chỗ ngồi.

- Tàu thuyền, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch.

- Xe ô tô cứu thương, xe ô tô chở phạm nhân, xe ô tô tang lễ, xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông.

### **4. Những qui định đặc biệt của thuế tiêu thụ đặc biệt :**

- Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã nộp thuế TTĐB thì khi kê khai khấu trừ thuế TTĐB đầu vào

- Hàng chịu thuế TTĐB khi xuất khẩu là đối tượng chịu thuế GTGT tính với thuế suất 0% ( không

tính thuế TTĐB trong trường hợp này)

### III. CĂN CỨ TÍNH THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

#### a. Số lượng tính thuế tiêu thụ đặc biệt :

- Đối với hàng sản xuất trong nước: Căn cứ trên hóa đơn
- Đối với hàng nhập khẩu : căn cứ trên Tờ khai hải quan

#### b. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt :

*- Đối với hàng sản xuất trong nước : giá chưa thuế tiêu thụ đặc biệt và chưa có thuế GTGT*

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế VAT}}{1 + \text{Th.suất thuế TTĐB}}$$

+ Bán theo phương thức trả góp : giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán chưa thuế tiêu thụ đặc biệt và chưa có thuế GTGT không bao gồm khoản lãi trả góp.

+ Đối với hàng hóa gia công giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT của cơ sở đưa gia công.

*- Đối với hàng nhập khẩu :*

**Giá tính thuế TTĐB = Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu**

*- Đối với dịch vụ :* là giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT

**3. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt :** Thuế suất thuế TTĐB đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt sau

**Ví dụ 01** : Hãy xác định thuế TTĐB phải nộp của một lô hàng nhập khẩu trong tháng

- Vải các loại : 10.000m, giá CIF là 180.000USD

- Ba xe ô tô 18 chỗ ngồi, giá CIF là 20.000USD/chiếc

Thuế suất thuế TTĐB xe ô tô là 15%, thuế suất thuế nhập khẩu xe ô tô là 50% ; tỷ giá hối đoái tại thời điểm kê khai hàng nhập khẩu là 18.120đ/USD

**Ví dụ 02** : Cơ sở A nhập khẩu một chiếc xe ô tô Honda Accord Ex, dung tích 2.7, giá tính thuế nhập khẩu là 22.000USD. Thuế suất thuế nhập khẩu xe ô tô là 60%, thuế suất TTĐB xe ô tô 50%.

Yêu cầu : Hãy xác định số thuế TTĐB mà Cơ sở A phải nộp, tỷ giá tính thuế 18.000đ/USD

**Ví dụ 03** : Tại một cửa hàng kinh doanh vũ trường trong kỳ có doanh thu trong tháng 6 là 15trđ. Doanh thu trong tháng 7 là 30trđ.

Yêu cầu : Xác định số thuế TTĐB phải nộp.

**Ví dụ 04** : Trong tháng 01, Cơ sở A sản xuất rượu thuốc có tài liệu như sau :

- Mua 10.000 lít rượu 40° của cơ sở B để pha chế rượu thuốc. Giá mua 1 lít rượu nguyên liệu do cơ sở B bán là : 1.700đ/lit

- Loại rượu này chịu thuế suất là 65%.

- Trong tháng sử dụng 6.000 lít rượu này để sản xuất được 12.000 chai rượu thuốc và đã bán được 8.000 chai với giá 3.450đ/chai, thuế suất 20%

Yêu cầu : Hãy tính thuế TTĐB mà cơ sở SX A phải nộp.

#### **IV. ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ**

##### **1. Đăng ký thuế :**

Thời hạn đăng ký thuế chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trong trường hợp sát nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, thay đổi ngành nghề kinh doanh hoặc ngừng kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi có sự thay đổi trên.

##### **2. Kê khai thuế :**

##### **4. Nộp thuế :**

Thời hạn nộp thuế của tháng được ghi trong thông báo nộp thuế chậm nhất không quá 20 ngày của tháng tiếp theo.

##### **5. Quyết toán thuế :**

#### **V. HOÀN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

##### **1. Đối với hàng nhập khẩu :**

- Hàng tạm nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB, khi tái xuất được hoàn lại số thuế TTĐB đã nộp tương ứng với số hàng tái xuất khẩu.

- Hàng tạm nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm đã nộp thuế TTĐB khi tái xuất khẩu được hoàn

thuế.

- Nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu.

2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản có số thuế TTĐB nộp thừa.

#### **VI. CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

Cơ sở sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ thì được xét giảm thuế, miễn thuế.

## **CHƯƠNG IV : THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

### **I. KHÁI NIỆM VÀ TÁC DỤNG**

#### **1. Khái niệm :**

Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

#### **2. Tác dụng :**

- Động viên một phần thu nhập của người tiêu dùng vào Ngân sách
- Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hóa có hóa đơn, chứng từ.
- Góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hóa
- Góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở nước ta.

### **II. PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ GTGT**

#### **1. Đối tượng nộp thuế :**

Tất cả tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế

#### **2. Đối tượng chịu thuế :**

Luật thuế VAT quy định tất cả hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng là đối tượng chịu thuế VAT.

#### **3. Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT : có 28 nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế**

GTGT

### III. CĂN CỨ TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

#### 1. Giá tính thuế :

- Đối với hàng hóa trong nước :

Giá tính thuế là giá chưa có thuế GTGT.

- Đối với hàng nhập khẩu

Giá tính thuế = Giá nhập khẩu + thuế nhập khẩu

#### 2. Thuế suất giá trị gia tăng :

Mức thuế suất giá trị gia tăng được quy định : 0%, 5%, 10%

**Ví dụ 01:** Trong tháng 5, cơ sở kinh doanh Hải Toàn nhập khẩu 10.000 tấn sản phẩm. Giá CIF 1.200USD/tấn, thuế suất thuế nhập khẩu 2%, thuế suất thuế GTGT là 5%

Trong tháng cơ sở này cũng bán toàn bộ sản phẩm trên với giá bán đã có thuế GTGT là 28.350đ/kg

**Yêu cầu :** Hãy xác định thuế nhập khẩu, thuế GTGT (áp dụng hai phương pháp tính thuế GTGT phải nộp) mà cơ sở phải nộp, tỷ giá tính thuế 18.000VNĐ/USD

**Ví dụ 02 :** Xí nghiệp sản xuất thuốc lá, trong tháng có tài liệu như sau :

- Sản xuất được 3 triệu bao thuốc lá, bán được 2 triệu bao thuốc lá : trong đó bán trong nước 800 ngàn bao, với giá bán là 6.000 đ/bao (thuế suất thuế TTĐB 65%), xuất khẩu 1,2 triệu bao, bán với giá FOB

: 0,26USD/bao.

- Tỷ giá hối đoái 16.000 đ/USD

- Chi phí dịch vụ có thuế GTGT đầu vào là 100trđ.

Yêu cầu : Hãy xác định thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT phải nộp, biết rằng thuế suất thuế xuất khẩu là 2%, thuế suất thuế GTGT 0%.

Ví dụ 03: Cty X là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, trong tháng có tài liệu sau :  
( đvt : triệu đồng)

- Mua nguyên liệu thủy sản không có hóa đơn, có bảng kê mua hàng là 850

- Mua nguyên liệu thủy sản có hóa đơn bán hàng là 900

- Mua nguyên liệu thủy sản của Cty A, có hóa đơn GTGT 1.050 (thuế suất 5%)

- Trong tháng tổng doanh thu 3.200 trong đó doanh thu xuất khẩu 2.200, thuế suất thuế xuất khẩu 2%, thuế suất thuế GTGT 0% và 10%

- Chi phí dịch vụ có thuế đầu trđ

Yêu cầu : Hãy xác định thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp ?

#### **IV. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

##### **1. Phương pháp khấu trừ thuế :**



$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{Thuế GTGT đầu ra} - \text{Thuế GTGT đầu vào}$$

Trong đó :

**a) Thuế GTGT đầu ra :**

$$\text{Thuế GTGT đầu ra} = \text{Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra} \times \text{Thuế suất (\%) GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó}$$

$$\text{Giá chưa thuế} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{Thuế suất (\%)}}$$

**b) Thuế GTGT đầu vào :**

**❖ Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào :**

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ.

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào thì được kê khai khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp tháng đó; thời gian kê khai tối đa là ba tháng

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế đầu vào của hàng hóa,

dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

## 2. Phương pháp tính thuế GTGT trực tiếp trên GTGT :

### a. Đối tượng áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT :

- Cá nhân sản xuất, kinh doanh là người Việt Nam.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo luật đầu tư nước ngoài tại VN chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hóa đơn chứng từ để làm căn cứ tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Cơ sở kinh doanh mua, bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ.

### b. Xác định thuế GTGT phải nộp :

Giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó	=	Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra (1)	-	Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng (2)
---	---	--	---	--

Thuế GTGT phải nộp	=	Giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế <sub>x</sub>	Thuế suất (%) GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó
-----------------------	---	--	--

## V. ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI, NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN THUẾ

### 1. Đăng ký nộp thuế :

Cơ sở kinh doanh kể cả các đơn vị, chi nhánh, cửa hàng trực thuộc cơ sở kinh doanh chính phải

đăng ký nộp thuế với Cục thuế (hoặc Chi Cục thuế nếu là cá nhân kinh doanh) về địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, lao động, tiền vốn, nơi nộp thuế và các chỉ tiêu liên quan khác theo mẫu đăng ký nộp thuế và hướng dẫn của Cơ quan thuế.

Về việc áp dụng cấp mã số cho đối tượng nộp thuế : Các cơ sở kinh doanh đã thực hiện đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm cấp mã số thuế cho cơ sở kinh doanh theo chế độ qui định về việc cấp mã số cho đối tượng nộp thuế.

## **2. Khai thuế GTGT phải nộp :**

a. Cơ sở kinh doanh phải kê khai thuế GTGT từng tháng và nộp thuế tờ khai thuế cho cơ quan thuế vào thời điểm cuối tháng

b. Cơ sở kinh doanh người nhập khẩu hàng hóa phải kê khai và nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu với cơ quan thuế nơi có cửa khẩu nhập hàng hóa.

## **3. Nộp thuế :**

## **4. Quyết toán thuế :**

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm

## **VI. HOÀN THUẾ**

1. Xét hoàn thuế từng quý nếu số thuế đầu vào được khấu trừ của các tháng trong quý lớn hơn số thuế đầu ra

2. Quyết toán thuế khi sát nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản có số thuế nộp thừa

## **CHƯƠNG V : THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **I. KHÁI NIỆM VÀ TÁC DỤNG**

#### **1. Khái niệm :**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế trực thu, đánh vào phần thu nhập sau khi trừ các chi phí hợp lý, hợp pháp liên quan đến thu nhập của đối tượng nộp thuế

#### **2. Tác dụng :**

- Bao quát và điều tiết tất cả các khoản thu nhập của cơ sở kinh doanh.
- Thông qua việc ưu đãi về thuế suất, về miễn thuế, giảm thuế khuyến khích đầu tư
- Từng bước thu hẹp sự phân biệt giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước

### **II. PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

#### **1. Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp :**

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (gọi chung là cơ sở kinh doanh) có thu nhập đều phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **2. Đối tượng không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp :**

Hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Tạm thời chưa thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hộ gia đình và cá nhân nông dân sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho đến khi có quy định của Chính phủ.

### III. CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ THUẾ SUẤT

#### 1. Thu nhập chịu thuế :

##### ❖ Xác định thu nhập chịu thuế :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu} & & \text{Doanh thu để tính} & & \text{Chi phí hợp lý} & & \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong kỳ} & = & \text{thu nhập chịu thuế} & - & \text{trong kỳ tính} & + & \text{thuế khác trong} \\ \text{tính thuế} & & \text{trong kỳ tính thuế} & & \text{thuế} & & \text{kỳ tính thuế} \end{array}$$

#### 1.1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế :

Đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì DT tính thuế là chưa có thuế GTGT. Đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì DT tính thuế là có thuế GTGT

#### 1.2 Các khoản chi phí hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế :

- a. Khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- b. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu
- c. Chi phí tiền lương, tiền công, tiền ăn giữa ca, các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công.
- d. Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ
- e. Chi phí dịch vụ mua ngoài :
- g. Chi trả tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

**h.** Trích các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng công nợ khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán tại doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**i.** Trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ hiện hành.

**k.** Chi về tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ : chi phí bảo quản, chi bao gói, vận chuyển, bốc xếp, thuê kho bãi, bảo hành sản phẩm.

**l.** Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mãi, tiếp tân, khánh tiết, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội họp

**m.** Các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất phải nộp có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được tính vào chi phí hợp lý.

**n.** Chi phí quản lý kinh doanh do công ty nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại VN theo quy định của Chính phủ.

**o.** Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không có hóa đơn chứng từ do Chính phủ quy định.

**p.** Các khoản chi cho lao động nữ theo pháp luật ; chi bảo hộ lao động hoặc trang phục ; chi bảo vệ cơ sở kinh doanh ; chi công tác phí ; trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thuộc trách nhiệm của cơ sở kinh doanh sử dụng lao động ;

**Các khoản chi phí sau đây không tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế :**

- Tiền lương , tiền công do cơ sở kinh doanh không thực hiện đúng chế độ hợp đồng lao động

- Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Cty hợp danh, chủ

hộ cá thể,

- Các khoản trích trước vào chi phí mà thực tế không chi hết

- Các khoản chi không chứng từ hoặc chứng từ không hợp pháp trừ trường hợp qui định về bảng kê của Luật thuế GTGT.

- Các khoản tiền phạt

- Các khoản chi do nguồn vốn khác đài thọ

### ***1.3 Các khoản thu nhập thu nhập chịu thuế khác :***

- Chênh lệch về mua bán chứng khoán.

- Thu nhập từ quyề

- Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản

- Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm.

- Chênh lệch do bán ngoại tệ.

- Kết dư cuối năm các khoản trích trước không chi hết

- Thu các khoản nợ phải thu khó đòi đã bù đắp khoản dự phòng nay đòi được.

- Thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế sau khi đã trừ tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ.

- Các khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của những năm trước bị bỏ sót

mới phát hiện ra.

- Các khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở nước ngoài chưa trừ bất cứ một khoản thu nhập nào đã nộp ở nước ngoài cho khoản thu nhập đó.

## **2. Thuế suất là 25%**

Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50%.

**Ví dụ 01** : Hãy tính thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp cho nhà máy sản xuất, có tài liệu sau :

1. Bán ra nước ngoài 120.000 sản phẩm theo giá FOB quy đổi VND 230.000đ/sp. Bán 150.000sp cho DN chế xuất với giá 230.000đ/sp
2. Bán cho Cty thương nghiệp trong nước 400.000sp, với giá chưa thuế GTGT 200.000đ/sp
3. Gia công trực tiếp 400.000sp theo hợp đồng với một Cty nước ngoài, công việc hoàn thành 80% và thành phẩm đã được xuất trả, giá gia công 10.000đ/sp
4. Tổng chi phí hợp lý cả năm (chưa kể thuế xuất khẩu, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế) của hàng tiêu thụ 102.731 triệu đồng
5. Thu nhập chịu thuế khác ngoài doanh thu :  
+ Chuyển nhượng tài sản 200 triệu đồng  
+ Thu nhập từ tiền lãi cho vay : 680 triệu đồng



Biết rằng : thuế suất xuất khẩu 2%, VAT 10%, TINDN 25%. Tổng thuế VAT đầu vào được khấu trừ 13.731 triệu đồng

**Ví dụ 02:** Xác định thuế xuất khẩu, GTGT và thuế TNDN phải nộp trong năm có tài liệu như sau :

1. Tình hình tiêu thụ trong năm :

- Quý I : Bán cho Cty thương mại trong nước 12.000sp, giá bán chưa có thuế GTGT 45.000đ/sp
- Quý II : Trực tiếp xuất khẩu 10.000sp, giá FOB 74.000đ/sp
- Quý III : Bán cho DN chế xuất 5.000sp, giá bán 45.000đ/sp
- Quý IV : Trực tiếp xuất khẩu 2.000sp, giá FOB 46.000đ/sp. Xuất cho đại lý bán lẻ 5.000sp, giá bán của đại lý theo hợp đồng chưa thuế GTGT 46.000đ/sp.

2. Chi phí sản xuất kinh doanh trong năm

- Nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất sản phẩm 846.000.000đ
- Vật liệu dùng sửa chữa thường xuyên TSCĐ thuộc phân xưởng sản xuất 6.000.000đ, bộ phận quản lý DN 3.200.000đ
- Tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất : 200.000.000đ
- Khấu hao TSCĐ phục vụ phân xưởng 160.000.000đ, bộ phận quản lý 50.000.000đ, bộ phận bán hàng 12.000.000đ
- Tiền lương bộ phận quản lý DN 84.000.000đ

- Chi phí khác phục vụ sản xuất sản phẩm 126.000.000đ
- Chi hoa hồng đại lý bán lẻ 5% giá bán chưa thuế GTGT
- Thuế xuất khẩu ở khâu bán hàng

Biết rằng :

- Thuế GTGT đối với sản phẩm 10%
- Thuế xuất khẩu 2%
- Thuế TNDN 25%
- Biết tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm 84.500.000đ
- Thu nhập về lãi tiền gửi NH là 3.870.000đ

## **V. ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI, NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN THUẾ**

1. Đăng ký thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp

2.1 Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm kê khai và nộp tờ khai thuế tạm nộp cả năm

2.2 Sau khi nhận được tờ khai của cơ quan thuế kiểm tra, xác định số thuế tạm nộp cả năm và chia ra từng quý để thông báo cho cơ sở kinh doanh tạm nộp thuế.

3. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp :

Thời hạn nộp thuế được ghi trong thông báo nộp thuế chậm nhất không quá ngày cuối quý.

#### 4. Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp :

Năm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

## **CHƯƠNG 6 : THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

### **I. KHÁI NIỆM VÀ TÁC DỤNG**

#### **1. Khái niệm :**

Thuế TNCN là loại thuế trực thu, thu vào thu nhập của cá nhân trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm hoặc từng lần phát sinh.

#### **2. Tác dụng :**

- Thực hiện công bằng xã hội :
- Tạo lập nguồn tài chính cho ngân sách nhà nước

### **II. PHẠM VI ÁP DỤNG**

#### **1. Đối tượng nộp thuế thu nhập :**

a. Công dân Việt Nam ở trong nước hoặc đi công tác, lao động ở nước ngoài có thu nhập đến mức chịu thuế thu nhập.

b. Cá nhân khác định cư tại Việt Nam là người không mang quốc tịch Việt Nam nhưng định cư không thời hạn tại Việt Nam.

c. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam kể cả người nước ngoài không sinh sống tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

## **2. Thu nhập chịu thuế :**

### *2.1 Thu nhập từ kinh doanh*

### *2.2 Thu nhập từ tiền lương, tiền công*

**\* Các khoản phụ cấp, trợ cấp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công bao gồm :**

- Phụ cấp đổi về ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật.
- Phụ cấp quốc phòng, an ninh
- Phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với những ngành, nghề
- Trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, tiền tuất hàng tháng
- Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo quy định của Bộ luật lao động, các khoản trợ cấp khác do Bảo hiểm xã hội chi trả
- Trợ cấp giải quyết tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật

**\* Các khoản tiền thưởng được trừ khi tính thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công :**

- Các khoản tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng
- Tiền thưởng kèm theo giải thưởng quốc gia, giải thưởng quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận
- Tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận

- Tiền thưởng về việc phát hiện, khai báo hành vi vi phạm pháp luật với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.3. Thu nhập từ đầu tư vốn

2.4. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn

2.5. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

2.6. Thu nhập từ trúng thưởng

2.7. Thu nhập từ bản quyền

2.8. Thu nhập từ nhượng quyền thương mại.

2.9. Thu nhập từ nhận thừa kế

2.10. Thu nhập từ nhận quà tặng

### **3. Thu nhập được miễn thuế**

3.1. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa các người thân

3.2. Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất.

3.3. Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất.

3.4. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng

3.5. Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông lâm, ngư nghiệp

3.7. Thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

3.8. Thu nhập từ kiều hối.

3.9. Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ

3.10. Tiền lương hưu do Bảo hiểm xã hội chi trả.

3.11. Thu nhập từ học bổng

3.12. Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, tiền bồi thường tai nạn lao động, khoản bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật.

3.13. Thu nhập nhận được từ quỹ từ thiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3.14. Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức chính phủ và phi chính phủ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

### III. CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ

#### 1. Thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công

Công thức tính thuế :

$$\text{Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế (TNTT)} \times \text{Thuế suất}$$

#### 1.1 Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

1.1.1 Đối với cá nhân kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ nộp thuế theo phương pháp khoán .

$$\text{Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế} = \text{Doanh thu ấn định trong kỳ tính thuế} \times \text{Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định}$$

1.1.2 Đối với cá nhân kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ nộp thuế theo phương pháp khoán

$$\text{Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế} = \text{Doanh thu chịu thuế trong kỳ tính thuế} - \text{Chi phí hợp lý liên quan} + \text{Thu nhập chịu thuế khác}$$

## 1.2 Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

(1) Giảm trừ gia cảnh, bao gồm :

(a) Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng

b) Đối với người phụ thuộc mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng là 1,6 triệu đồng/tháng.

## 2. Thu nhập từ đầu tư vốn : là thu nhập nhận được từ đầu tư vốn

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế thu nhập} \\ \text{cá nhân phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập tính thuế} \\ \text{(TNTT)} \end{array} \times \text{Thuế suất}$$

## 3. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn :

### 3.1 Đối với chuyển nhượng vốn góp :

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá chuyển} \\ \text{nhượng} \end{array} - \text{Giá mua} + \text{Các chi phí}$$

### 3.2 Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán :

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá bán} \\ \text{chứng khoán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{chứng khoán} \end{array} - \text{Các chi phí}$$

## 4. Thu nhập chuyển nhượng bất động sản :

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế thu nhập} \\ \text{cá nhân phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập tính} \\ \text{thuế} \end{array} \times \text{Thuế suất}$$

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá bán, giá} \\ \text{chuyển nhượng} \\ \text{hoặc giá cho} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá mua, giá} \\ \text{nhận chuyển} \\ \text{nhượng hoặc giá} \end{array} - \text{Các chi phí liên quan}$$

**5. Thu nhập bản quyền và nhượng quyền thương mại :**

$$\text{Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

**6. Thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập thừa kế, thu nhập quà tặng**

$$\text{Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

**7. Biểu thuế :**

**BIỂU THUẾ LŨY TIẾN TỪNG PHẦN**

Biểu thuế lũy tiến từng phần được quy định như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15



4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

### BIỂU THUẾ TOÀN PHẦN

	Thu nhập tính thuế	Thuế suất (%)
a.	Thu nhập từ đầu tư vốn	5
b.	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
c.	Thu nhập từ trúng thưởng	10
d.	Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10
e.	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	20
	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (trường hợp tính trên giá bán chứng khoán)	0,1
6	Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trường hợp tính trên thu nhập)	25
	Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trường hợp tính trên giá chuyển nhượng)	2

**VD 01** : Ông A là công dân VN làm việc tại TP.HCM có thu nhập thường xuyên trong tháng 01/200x là

45.000.000đ. Ngoài ra trong tháng ông cũng trúng thưởng vé số kiến thiết 50.000.000đ. Tính thuế thu nhập cá nhân mà Ông A phải nộp, số tiền thực tế mà ông A thực nhận trong tháng 01/200x

**Ví dụ 02** : Ông B là công dân VN làm việc tại Cty Q trong tháng 09/200x có thu nhập như sau :

- Tiền lương : 20.000.000đ
- Tiền thưởng nhân dịp lễ 2/9 : 1.000.000đ
- Tiền thưởng nhân dịp ngày thành lập Cty : 2.000.000đ
- Ngoài ra ông còn một khoản thu nhập từ việc chuyển giao quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm 30.000.000đ

Tính thuế thu nhập cá nhân mà ông này phải nộp và số tiền thực tế nhận được trong tháng

**Ví dụ 03** : Cô Nguyễn Lan Hương là công dân VN làm việc tại Cty N có tổng thu nhập trong năm 200x như sau :

- Thu nhập thường xuyên từ lương : 300.000.000đ
- Thu nhập từ trúng thưởng chương trình khuyến mãi do Bộ Thương Mại tổ chức một xe ô tô trị giá 500.000.000đ

Tính thuế thu nhập cá nhân và số tiền thực nhận của cô trong năm.

**Ví dụ 04** : Ông N và M là người nước ngoài làm việc tại VN (được xem là cư trú tại VN) có thu nhập thường xuyên trong tháng 03/200x lần lượt là 70.000.000đ và 85.000.000đ. Tính thuế thu nhập cá nhân mà ông N và M phải nộp và số tiền thực tế nhận được

**Ví dụ 05** :

Ông An là công dân VN làm việc tại Cty liên doanh với nước ngoài, có trụ sở tại TP.HCM, có thu nhập từng tháng trong năm 200x như sau :

- Tháng 01 : 10.000.000đ
- Tháng 02 : 9.500.000đ
- Tháng 03 : 8.900.000đ
- Tháng 04 : 12.000.000đ
- Tháng 05 : 11.000.000đ
- Tháng 06 : 9.200.000đ
- Tháng 07 : 8.500.000đ
- Tháng 08 : 1.000.000đ (do ốm)
- Tháng 09 : 8.000.000đ
- Tháng 10 : 7.500.000đ
- Tháng 11 : 8.300.000đ
- Tháng 12 : 7.500.000đ

Ngoài ra trong tháng 10 ông có tham gia kinh doanh hàng hóa với ông C có tổng thu nhập 30.000.000đ

Tính thuế thu nhập cá nhân mà ông An phải nộp trong năm.

## V. CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ

### 1. Đối với thu nhập từ kinh doanh

- Thuế đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định như sau :

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế thu nhập} \\ \text{cá nhân phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu từ hoạt} \\ \text{động sản xuất,} \\ \text{kinh doanh} \end{array} \times \text{Thuế suất}$$

### 2. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

- Thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân với thuế suất 20%.

$$\text{Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công} \times \text{Thuế suất } 20\%$$

- Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là tổng số tiền lương, tiền công mà cá nhân không cư trú nhận được do thực hiện công việc tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập.

### 3. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn

Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc đầu tư vốn vào tổ chức, cá nhân tại Việt Nam nhân với thuế suất 5%.

$$\text{Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc đầu tư vốn} \times \text{Thuế suất } 5\%$$

### 4. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn tại tổ chức, cá nhân Việt Nam nhân với thuế suất 0,1%, không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

### 5. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản tại Việt Nam của cá nhân không cư trú được xác định bằng giá chuyển nhượng bất động sản nhân với thuế suất 2%.

### 6. Đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại

- Thuế đối với thu nhập từ bản quyền của cá nhân không cư trú được xác định bằng phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng theo từng hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam nhân với thuế suất 5%.

- Thuế đối với thu nhập từ nhượng quyền thương mại của cá nhân không cư trú được xác định bằng phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng theo từng hợp đồng nhượng quyền thương mại tại Việt Nam nhân với thuế suất 5%.

#### **7. Đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng**

- Thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế quy định tại khoản 2 Điều này nhân với thuế suất 10%.

- Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng của cá nhân không cư trú là phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng theo từng lần trúng thưởng tại Việt Nam; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng theo từng lần phát sinh thu nhập mà cá nhân không cư trú nhận được tại Việt Nam.